TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương, Thư ký TAND huyện Quảng Xương.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại K2, Trại giam Thanh Phong, Bộ Công An. Địa chỉ: Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Đào trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh H vướng vào đánh bạc, lô đề dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù tại phân trại K2, Trại giam Thanh Phong, Bộ Công An. Từ tháng

01/2017 cho đến nay chị và anh H không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012. Hiện nay chị đang làm ăn sinh sống tại địa phương, có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, còn anh H đang đi chấp hành án. Vì vậy, nguyện vọng của chị Đ sau khi ly hôn được nuôi cháu Tr và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Tr muốn được ở với mẹ.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Nội dung đơn: Về hôn nhân, chị Đ đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; Về con chung, chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/9/2011. Trong quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2017 anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án, cũng từ đó chị Đ dần không còn sự quan tâm, tôn trọng, chia sẻ của tình nghĩa vợ chồng. Theo anh tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Đ làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị Đ kiên quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng chị Đ. Nay anh đang phải chấp hành án nên không thể chăm sóc cho con. Vì vậy, anh đồng ý tạm thời giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và anh không thể cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Hiện nay anh đang chấp hành án nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi anh chấp hành án xong thì anh sẽ có đơn yêu cầu giải quyết sau.

Tại phiên tòa, chị Đ và anh H vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác định: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/9/2011. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012. Hiện nay cháu đang ở cùng chị Đ. Cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên chị Đ và anh H không báo cáo với chính quyền địa phương. Hiện nay anh H đang đi chấp hành án, không có mặt tại địa phương. Chị Đ có đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 49 BLTTDS. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều

57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Đào.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012. Giao cháu Nguyễn Lê Bảo Tr cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Anh H được quyền thăm nom con chung sau khi anh H đã chấp hành án xong.

- Về tài sản, công nợ: Chị Đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Anh H đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong nên không tiến hành hòa giải được. Chị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng không thể có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân tồn tại chỉ trên hình thức. Từ tháng 1/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc đến nhau. Chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, tình cảm vợ chồng là thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh Hùng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị: Chị Đ có nguyện vọng được nuôi con, anh H đồng ý để chị Đ nuôi con, nguyện vọng của cháu Tr là muốn được ở với me. Hiện tại chị Đ có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, anh H đang thực hiện chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong - Bộ Công an nên không thể trực tiếp nuôi con và cũng không có thu nhập để đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, giao cháu Tr cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung theo qui định của pháp luật.

Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị Đ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo Tr, sinh ngày 02/4/2012. Giao cháu Tr cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở sau khi anh H đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương.

Chị Đ, anh H có quyền đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, có quyền đề nghị người không trực tiếp nuôi con chung cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nếu có căn cứ theo qui định pháp luật.

- Về tài sản, công nợ: Chị Đ và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000394 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí LHST).

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt chị Đ và anh H. Chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa ;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Dung